

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

- Tên học phần (tiếng Việt) : **Luật lao động**
- Tên học phần (tiếng Anh) : **Labor Law**
- Mã học phần : **LE2014**
- Trình độ : Đại học
- Loại học phần : ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - ☐ Kiến thức giáo dục đại cương
 - ☐ Kiến thức cơ sở khối ngành
 - ☐ Kiến thức cơ sở ngành
 - ☐ Kiến thức ngành / chuyên ngành
 - ☐ Kiến thức cuối khoá
- Thuộc thành phần
- Khoa, Bộ môn phụ trách : Khoa Kinh tế - Quản trị, Bộ môn Luật
- Số tín chỉ : 3 (3,0,6)
(*Lý thuyết, thực hành, Tự học*)
 - Lên lớp (lý thuyết): 45 giờ
- Phân bổ thời gian
 - Làm việc nhóm, thực hành, thảo luận: 0 giờ
 - Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ
- Học phần tiên quyết : Không
- Học phần học trước : Không
- Học phần song hành : Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (Course description)

Luật Lao động là học phần cơ sở ngành cung cấp cho sinh viên những kiến thức, các vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng: Việc làm; Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể; Tiền lương; Thời giờ làm việc, nghỉ ngơi; Giải quyết tranh chấp lao động.

Thông qua môn học này, sinh viên tăng cường hiểu biết về pháp luật lao động đồng thời hoàn thiện thêm các kỹ năng cần thiết cho hoạt động nghề luật.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course objectives)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ:

	Ký hiệu (Ox)	Mục tiêu học phần
Kiến thức	O1	Hiểu được kiến thức cơ bản về các vấn đề lí luận và nội dung các định chế về quan hệ lao động và về các quan hệ có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động - xã hội như việc làm, học nghề, quan hệ hợp đồng lao động, tiền lương, quyền công đoàn và vấn đề đại diện lao động, thoả ước lao động tập thể, các điều kiện lao động, quản lí lao động trong doanh nghiệp, tranh chấp lao động, đình công, quản lí nhà nước về lao động; nắm bắt, hiểu và biết đánh giá một cách khoa học các vấn đề cơ bản về luật lao động.
Kĩ năng	O2	Kỹ năng phân tích hợp đồng lao động và đàm phán các điều khoản hợp đồng lao động.
	O3	Hình thành tư duy độc lập, tư duy về tổ chức quản lý hướng đến tính hiệu quả và tuân thủ pháp luật của hoạt động quản lý lao động đảm bảo tính công bằng, đảm bảo các quyền cơ bản của người lao động và người sử dụng lao động;
Mức tự chủ và trách nhiệm	O4	Có trách nhiệm công dân về thực thi các định chế về quan hệ lao động và các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động - xã hội.

4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (Course learning outcomes - CLOs)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên cần đạt được các yêu cầu tối thiểu sau:

Ox	CLOx	PLOx
O1	CLO1. Hiểu được vị trí vai trò của ngành Luật lao động trong hệ thống pháp luật. Hệ thống hóa được kiến thức nền tảng về Luật lao động Việt Nam. Phân tích, giải thích, đánh giá các sự kiện và các vấn đề việc làm, tiền lương, thị trường lao động, hợp đồng lao động, tranh chấp lao động, kỷ luật lao động.	PLO1, PLO2
	CLO2. Vận dụng những kiến thức đã học ở môn Luật lao động vào giải quyết các tình huống thực tế.	PLO1, PLO2, PLO3
O2	CLO3. Giải thích, bình luận được các quy định của pháp luật lao động hiện hành.	PLO2, PLO3

	CLO4. Biết tìm kiếm, thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin liên quan phục vụ cho quá trình nghiên cứu các vấn đề của pháp luật lao động.	PLO6
	CLO5. Thuyết trình được các báo cáo. Có khả năng lập luận, phản biện để bảo vệ quan điểm cá nhân về các vấn đề liên quan đến hoàn thiện nội dung pháp luật lao động hiện hành	PLO10, PLO13
O3	CLO6. Biết cách tìm kiếm, tra cứu, lựa chọn tài liệu để thực hiện các nhiệm vụ được giao.	PLO5, PLO6, PLO10
O4	CLO7. Biết hợp tác, tích cực làm việc trong nhóm hiệu quả để giải quyết các nhiệm vụ được giao. Sẵn sàng sử dụng kiến thức pháp luật lao động để hỗ trợ người khác.	PLO13, PLO14

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH DẠY HỌC (Course content)

(theo bài giảng)

5.1. Lý thuyết:

Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG
		Lý thuyết	Thảo luận nhóm	Tự học	Khác (nếu có)	
1	Chương 1. Khái quát về pháp luật lao động và quan hệ pháp luật lao động 1. 1. Phạm vi điều chỉnh của luật lao động Việt nam 1.1.2. Các quan hệ liên quan đến quan hệ lao động 1.1.3. Tiêu chuẩn lao động 1.2. Những nguyên tắc cơ bản của luật lao động 1.3. Phương pháp điều chỉnh của luật lao động.	5		10		15
2	Chương 2. Việc làm 1. Khái quát về việc làm 1.1. Khái niệm 1.2. Các nguyên tắc về việc làm và giải quyết việc làm 2.1.3. Những biện pháp pháp lý nhằm hỗ trợ	5		10		15

		Số giờ				
Số TT	Nội dung (Tên bài giảng) và giải quyết việc làm 2. Khái quát về học nghề 2.1. Khái niệm về học nghề 1. 2.2. Phân loại học nghề 2.3. Hợp đồng đào tạo nghề (HĐĐTĐN): Giao kết, thực hiện và chấm dứt HĐĐTĐN					TỔNG
3	Chương 3. Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể 1. Hợp đồng lao động 1.1. Khái niệm Hợp đồng lao động 1.2. Đặc trưng của Hợp đồng lao động 1.3. Yếu tố của Hợp đồng lao động a) Chủ thể b) Khách thể c) Nội dung 1.4. Các loại Hợp đồng lao động 1.5. Xác lập, thực hiện, thay đổi và chấm dứt Hợp đồng lao động 1.6. Cho thuê lại lao động 2. Thỏa ước lao động tập thể 2.1. Khái niệm, bản chất, đặc điểm và nội dung của Thỏa ước lao động tập thể. 2.2. Vai trò của Thỏa ước lao động tập thể 2.3. Phân loại Thỏa ước lao động tập thể 2.4. Xây dựng, ký kết Thỏa ước lao động tập thể 2.5. Hiệu lực và thực hiện, sửa đổi Thỏa ước lao động tập thể	10		20		30
4	Chương 4. Tiền lương	5		10		15

		Số giờ				
Số TT	Nội dung					TỔNG
	1.1. Định nghĩa tiền lương 1.2. Bản chất (tên bản năng) 1.3. Nguyên tắc trả lương 2. Nội dung pháp lý về chế độ tiền lương 2.1. Mức lương tối thiểu và lương cơ sở 2.2. Hình thức và kỳ hạn trả lương 3. Các nguyên tắc điều chỉnh tiền lương 4. Quyền và nghĩa vụ của NLĐ và NSDLĐ trong lĩnh vực trả lương 5. Tiền lương trong một số trường hợp đặc biệt 5.1. Tiền lương làm thêm giờ 5.2. Tiền lương làm việc ban đêm 5.3. Tiền lương thông qua cai thầu 5.4. Tiền lương ngừng việc 5.5. Tiền lương cho NLĐ học nghề, tập nghề, thử việc 6.6. Phụ cấp lương 5.7. Tiền thưởng 5.8. Khấu trừ lương					
5	Chương 5. Thời giờ làm việc, nghỉ ngơi 1. Thời giờ làm việc 1.1. Khái niệm và ý nghĩa của Thời giờ làm việc 1.2. Nguyên tắc cơ bản của Thời giờ làm việc 1.3. Phân loại Thời giờ làm việc 2. Thời giờ nghỉ ngơi 2.1. Khái niệm và ý nghĩa của TGNN 2.2. Ý nghĩa của TGNN 2.3. Phân loại TGNN - Nghỉ trong giờ làm việc, nghỉ chuyển ca - Nghỉ hàng tuần, hàng năm, lễ tết - Nghỉ việc riêng 2.3. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với công việc có tính chất đặc biệt (hàng không, vận tải.....)	5		10		15
6	Chương 6. Kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất	5		15		20

		Số giờ				
Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)					TỔNG
	1. Kỹ luật lao động 1.1. Nội quy lao động 1.2. Trách nhiệm kỹ luật lao động. 1.3. Nguyên tắc xử lý kỷ luật 1.4. Căn cứ áp dụng xử lý kỷ luật 1.5. Các hình thức xử lý kỷ luật 1.6. Thời hiệu xử lý kỷ luật 2. Trách nhiệm vật chất 2.1. Căn cứ áp dụng 2.2. Mức xử lý và phương thức bồi thường 2.3. Nguyên tắc, thủ tục xử lý bồi thường					
7	Chương 7. Giải quyết tranh chấp lao động 1. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp lao động 1.2. Phân loại tranh chấp lao động 1.2.1. Tranh chấp lao động cá nhân 1.2.2. Tranh chấp lao động tập thể 1.3. Thời hiệu, thẩm quyền và trình tự giải quyết tranh chấp lao động 1.3.1. Thời hiệu, thẩm quyền và trình tự giải quyết tranh chấp lao động cá nhân 1.3.2. Thời hiệu, thẩm quyền và trình tự giải quyết tranh chấp lao động tập thể 1.4. Giải quyết tranh chấp lao động 1.4.1. Thương lượng giải quyết tranh chấp lao động 1.4.2. Hoà giải tranh chấp lao động 1.4.3. Giải quyết tranh chấp lao động tại Toà án . Đình công 2.1. Khái niệm, đặc điểm và bản chất của đình công 2.2. Thời điểm phát sinh quyền đình công và tổ chức đình công 2.3. Quyền và nghĩa vụ các bên trước, trong,	10		30		40

Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG
	sau đình công 2.4. Trình tự, thẩm quyền và giải quyết đình công					
Tổng		45	0	105		150

(Chú ý: 1 tín chỉ phải đảm bảo tổng là 50 giờ)

5.2. Thực hành:

Không

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC (Teaching – Learning methods):

6.1. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết: thuyết giảng, hướng dẫn nghiên cứu tài liệu, bài tập, bài tập theo nhóm
- Thực hành: Không

6.2. Phương pháp học:

- Lý thuyết: nghe giảng, nghiên cứu tài liệu, tổng hợp tài liệu, làm bài tập về nhà, làm bài tập theo nhóm
- Thực hành: Không

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

7.1. Tài liệu dạy học

- Trường Đại học Luật TP. HCM - Giáo trình Luật Lao động - NXB Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam dân

7.2. Tài liệu tham khảo

- 1) Bộ Luật lao động

7.3. Phần mềm, công cụ hỗ trợ bài tập hoặc thực hành

[1] Laptop

[2] Slides

[3] Máy chiếu

[4] Viết và bảng

[5] Micro

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (Testing and assessment methods)

8.1. Thang điểm đánh giá:

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn với một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

Loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
Đạt (các học phần được tính vào điểm trung bình học tập)	8,5 – 10	A	4
	7,0 – 8,4	B	3
	5,5 – 6,9	C	2
	4,0 – 5,4	D	1
Đạt (các học phần chỉ yêu cầu đánh giá “Đạt” và không tính điểm trung bình học tập)	Từ 5,0 trở lên	P	
Không đạt	< 4,0	F	0

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá tự học:

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Hoàn thành bài tập theo nhóm	Chấm bài tập	Rubic 1	100%

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung đánh giá		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Điểm danh, ý thức học tập	Rubic ...	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Trắc nghiệm	Rubic ...	20% - 30%
		Câu hỏi ngắn		
		Tình huống		
		Kết quả tự học		
		...		
Kết thúc học phần	Thi	Trắc nghiệm / Tự luận	Rubic ...	60% - 70%

(Tỷ lệ Thi kết thúc học phần: Khối Sức khỏe 70% - Khối ngoài Sức khỏe 60%)

9. MA TRẬN (Matrix):

- ❖ Ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: (nên có ma trận này)

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)				
	(4)	(6)	(8)	(13)	(15)
CLO1	H	H	H	H	H
CLO2	H	H	H	H	H
CLO3	P	P	P	P	P
CLO4	S	S	S	S	S

Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra

Partial supported

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra

Supported

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra

Highly supported

Đề trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng

Ngoài ra có thể viết thêm ma trận khác nếu có điều kiện:

❖ Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra của học phần

PP dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(4)	(6)	(8)	(13)	(15)				
Thuyết trình	H	H	H	H	H				
Thảo luận nhóm	P	P	P	P	P				
Hỏi – trả lời	S	S	S	S	S				
Báo cáo chuyên đề									
Bài tập									
....									

❖ Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của học phần

PP kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(4)	(6)	(8)	(13)	(15)				
Lý thuyết	H	H	H	H	H				

PP kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(4)	(6)	(8)	(13)	(15)				
Điểm chuyên cần	P	P	P	P	P				
Điểm kiểm tra MCQ	H	H	H	S	S				
Điểm thi kết thúc MCQ	H	H	H	P	P				
Thực hành									
Kế hoạch thực hành, bệnh án ...									
Thi kết thúc									

❖ Ma trận tương thích nội dung dạy – học và chuẩn đầu ra của học phần

❖ Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và nội dung dạy – học

10. RUBIC / THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ (*Scoring guide/Rubric*):

Rubic 1: Điểm danh, đánh giá điểm chuyên cần

Số giờ HP Số giờ vắng	Mức điểm Thang điểm 10	Ghi chú
0%	10	
> 0% - 10%	9	Có phép
> 10% - 20%	7	Không có phép
....		
> 25%	0	Không được dự thi kiểm tra học phần

Rubic 2: thang điểm chấm bài trắc nghiệm (kiểm tra thường xuyên).

Rubic 3: Đánh giá bài báo cáo nhóm

Rubic 4: Đánh giá thuyết trình nhóm

Rubic 5: Đánh giá hoạt động cá nhân tự học

- Bài tập cá nhân

- Tham gia hoạt động nhóm
- Hoạt động trong giờ học trên lớp

Rubic 6: Thang điểm chấm bài thi thực hành

Rubic 7: Thang điểm chấm bài thi trắc nghiệm cuối kỳ

11. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG (*Student support*)

- Giảng viên sẽ giải đáp tất cả các thắc mắc của học viên liên quan đến môn học.
- Sinh viên có thể gửi email qua địa chỉ hoặc gặp trực tiếp giảng viên vào ngày thứ hàng tuần tại Văn phòng khoa ...

Tp.HCM, ngày tháng năm 2022

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Mai Thị Trúc Ngân

ThS. Đinh Thị Cẩm Hà

ThS Phạm Hải Sơn